

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2021/HC-PT

Ngày 20 tháng 4 năm 2021.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính  
về quản lý đất đai”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Vũ Ngọc Huynh

**Các Thẩm phán:** Ông Phan Đức Phương

Ông Nguyễn Văn Tưu

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Trọng Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Công Minh - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 85/2021/TLPT-HC ngày 20 tháng 01 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2020/HC-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 619/2021/QĐPT-HC ngày 22 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

**Người khởi kiện:**

1/ Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946 (có mặt);

2/ Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1938 (vắng mặt);

3/ Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1946 (vắng mặt);

4/ Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1966 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Phú Th, xã Phú Ng, huyện ba Tr, tỉnh Bến Tre.

5/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1938 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Phú Th1, xã Phú Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

6/ Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1938 (vắng mặt);

7/ Ông Nguyễn Văn O, sinh năm 1938 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Phước Th, xã Phước T, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

**Người đại diện theo ủy quyền của ông A, ông L, ông H, ông C, ông B, ông O:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946 (có mặt);

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ:** Luật sư Phạm Thị Kim T thuộc Văn phòng Luật sư Võ Tấn Th (có mặt).

Địa chỉ: 304C, khu phố Bình Th, đường Trương Đ, phường S, Thành phố Bến Tr, tỉnh Bến Tre(có mặt).

**Người bị kiện:**

1/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tr(có đơn xin vắng mặt);

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Trần Ngọc T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tr (có đơn xin vắng mặt).

2/ Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre(có đơn xin vắng mặt)..

3/ Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Dương Minh T – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr(có đơn xin vắng mặt).

**Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:** Ông Lê Hoàng M – Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr(có đơn xin vắng mặt).

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ủy ban nhân dân xã Phước Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre (có đơn xin vắng mặt).

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Võ Minh C – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Phước Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre(có đơn xin vắng mặt).

2/ Bà Huỳnh Thị Ng, sinh năm 1957(vắng mặt);

3/ Bà Nguyễn Thị Mỹ L, sinh năm 1982(vắng mặt);

4/ Ông Nguyễn Huỳnh Th, sinh năm 1984(vắng mặt);

5/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974(vắng mặt);

6/ Bà Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1980(vắng mặt);

7/ Bà Nguyễn Thị Mỹ T1, sinh năm 1986(vắng mặt);

8/ Bà Nguyễn Thị Ánh Th1, sinh năm 1988(vắng mặt);

9/ Bà Nguyễn Thị Kim Th2, sinh năm 1990(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 015/PT ấp Phú Th2, xã Phú Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

**Người đại diện theo ủy quyền của bà Ng, bà L, ông Th, bà N, bà T, bà T1, bà Th1, bà Th2:** Ông Nguyễn Tấn Đ1, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp An H,

xã An Bình T, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre (có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án).

10/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1938(vắng mặt);

Địa chỉ: 23/PT ấp Phú Th2, xã Phú Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

11/ Bà Võ Thị Th3, sinh năm 1941(vắng mặt);

Địa chỉ: 319/PT, ấp Phú Th2, xã Phú Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

12/ Bà Huỳnh Thị R, sinh năm 1956(vắng mặt);

13/ Ông Nguyễn Minh Ch, sinh năm 1973(vắng mặt);

Cùng địa chỉ: 320/PT, ấp Phú Th2, xã Phú Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

14/ Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1955(vắng mặt);

Địa chỉ: 235/PTHO, ấp Phước Th, xã Phước Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre;

15/ Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1967(vắng mặt);

Địa chỉ: 88/PTHO, ấp Phước Th, xã Phước Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

16/ Ông Nguyễn Thành N, sinh năm 1975(vắng mặt);

Địa chỉ: 071/PTHA, ấp Phước Th, xã Phước Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

**Người đại diện theo ủy quyền của bà H, bà Th3, bà R, ông Ch, ông Tr, ông H1, ông N:** Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1946 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp Phước Th, xã Phước T, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

- **Người kháng cáo:** Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Hữu B, ông Nguyễn Văn O.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Người khởi kiện – ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Hữu B, ông Nguyễn Văn O trình bày:**

Phần đất khu thổ mộ có diện tích 1.124m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 7, tọa lạc xã Phú Ng (nay là Phước Ng), huyện Ba Tr có nguồn gốc của ông Th1 tổ tên Nguyễn Văn H tạo dựng từ năm 1775 sau đó đến đời ông sơ là cụ Nguyễn Văn Th. Phần đất trên dùng làm khu thổ mộ chôn cất những người trong họ tộc từ đó đến nay đã 240 năm. Phần đất này không tương phân choai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vì đây là tài sản chung thuộc chủ quyền của họ tộc. Phần đất trên trước đây do cụ Nguyễn Văn Đ2 là cha của ông Đ trông coi quản lý đến năm 1974 cụ Đ2 chết thì ông Đ được họ tộc cử ra trông coi, quản lý cùng kiến cùng họ tộc tạo mộ hàng năm. Hiện nay, khu thổ mộ này do ông Đ quản lý trông coi và giữ chìa khoá cổng.

Việc ông Nguyễn Văn Ch1 tự ý đứng ra kê khai đăng ký là không đúng quy định của pháp luật vì ông Ch1 không được sự uỷ quyền hợp pháp của họ tộc.

Đề nghị Toà án huỷ Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất thửa số 306, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.124m<sup>2</sup> do UBND huyện Ba Tr cấp cho ông Nguyễn Văn Ch1 vào ngày 12/02/1997; Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tri; Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.

**Người bị kiện - Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre trình bày:**

Thửa đất số 306, tờ bản đồ số 07, diện tích 1.124 m<sup>2</sup> (theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), mục đích sử dụng đất nghĩa địa, có nguồn gốc của cụ Nguyễn Văn H khai phá, sử dụng, sau đó giao lại cho con là cụ Nguyễn Văn Th quản lý, sử dụng.

- Cụ Th sinh hai người con là cụ Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Văn Đ3. Ông Nguyễn Văn D thuộc chi họ ông Nguyễn Văn Đ;

- Cụ Nguyễn Văn Đ3 thuộc chi họ bà Nguyễn Thị Th4 (mẹ ruột ông Ch1).

Thửa đất này, do chi của cụ Nguyễn Văn Đ3 quản lý sau đó để lại cho cụ Nguyễn Văn M (ông ngoại của ông Ch1), do ông ngoại ông Ch1 không có con trai nên giao lại cho bà Nguyễn Thị Th4 quản lý. Sau khi bà Th4 chết, diện tích đất trên giao lại cho ông Ch1 quản lý.

Ngày 11 tháng 12 năm 1995, ông Nguyễn Văn Ch1 có đơn đăng ký quyền sử dụng đất 06 thửa với tổng diện tích 13.192 m<sup>2</sup> đất, trong đó có thửa 306, tờ bản đồ số 07 được Hội đồng xét cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất xã Phú Ng xét duyệt và đề nghị Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng. Ngày 12 tháng 2 năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000048 cho hộ ông Nguyễn Văn Ch1 diện tích đất trên.

Qua làm việc ông Nguyễn Văn Đ cho rằng thửa 306, tờ bản đồ số 07 có nguồn gốc của ông bà để lại chung cho họ tộc, trước đây do cụ Nguyễn Văn Đ2 (cha ông Đ) quản lý và sau đó giao lại cho ông (ông Đ là đời thứ 6), ông Ch1 là đời thứ 7 trong họ tộc nhưng lại kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông không đồng ý. Tuy nhiên, qua làm việc ông Đ không cung cấp được chứng cứ thể hiện thửa đất trên do ông quản lý.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Công văn số 3593/UBND-NC về việc trả lời kiến nghị của ông Nguyễn Văn Đ yêu cầu thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000048, ngày 12 tháng 2 năm 1997 của Ủy ban nhân dân huyện cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch1. Không đồng ý với nội dung trả lời, ông Đ tiếp tục khiếu nại.

Qua xem xét nội dung khiếu nại nhận thấy việc Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000048, ngày 12 tháng 2 năm 1997 cho hộ ông Nguyễn Văn Ch1 là đúng thủ tục và đúng chủ sử dụng đất.

Ngày 26 tháng 02 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định số 426/QĐ-UBND về việc giải quyết không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Đ. sau đó, ông Đ tiếp tục khiếu nại đến Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ngày 01 tháng 8 năm 2019, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 1622/QĐ-UBND giải quyết không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Đ; giữ nguyên Quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện.

Do đó, việc ông Nguyễn Văn Đ, Nguyễn Văn A, Nguyễn Văn L và Nguyễn Thanh H yêu cầu hủy các Quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 26 tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện và Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre là không có cơ sở.

**Người bị kiện - Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr do ông Lê Hoàng M trình bày:**

Thông nhất với lời trình bày của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân xã Phước Ng trình bày:**

Thông nhất với ý kiến của UBND tỉnh Bến Tre và UBND huyện Ba Tr. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị H, bà Võ Thị Th3, bà Huỳnh Thị R, ông Nguyễn Minh Ch, ông Nguyễn Văn Tr, ông Nguyễn Văn Há, ông Nguyễn Thành N trình bày:**

Thông nhất với lời trình bày của người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của bà Huỳnh, bà Thế, bà Rép, ông Chánh, ông Trung, ông Há, ông Nam - ông Nguyễn Văn Đ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Huỳnh Thị Ng, bà Nguyễn Thị Mỹ L, ông Nguyễn Huỳnh Th, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Thanh T, bà Nguyễn Thị Mỹ T1, bà Nguyễn Thị Ánh Th1, bà Nguyễn Thị Kim Th2 trình bày:**

Thông nhất với ý kiến của UBND tỉnh Bến Tre và UBND huyện Ba Tr. Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

**Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 33/2020/HC-ST ngày 30/9/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định:**

*Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính;*

*Căn cứ vào các Điều 105 Luật Đất đai 2013, Điều 21, Điều 70 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai;*

*Căn cứ Luật đất đai 1993, Thông tư 302-TT/ĐKTK ngày 28/10/1989 của Tổng cục quản lý ruộng đất hướng dẫn thi hành Quyết định về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất;*

*Căn cứ các điều 7, 18, 21, 27, 28, 29, 30, 31, 36, 37, 38, 39, 40 Luật khiếu nại;*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UNTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;*

*1/Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Văn O về việc yêu cầu hủy các quyết định sau: Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất thửa số 306, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.124m<sup>2</sup> do UBND huyện Ba Tr cấp cho ông Nguyễn Văn Ch1 vào ngày 12/02/1997; Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tr; Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tre.*

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12/10/2020, những người khởi kiện là ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Văn O kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của những người khởi kiện.

#### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

#### **Ông Nguyễn Văn Đ trình bày:**

Nguồn gốc đất là của gia tộc, do cụ tổ khai phá để làm khu mộ của gia tộc đã hơn 200 năm, việc này ai cũng thừa nhận. Ông Ch1 không được toàn thể các thành viên của gia tộc thống nhất giao cho quản lý khu đất mộ này. Hơn nữa, khi có người trong gia tộc chết, đưa vào an táng tại khu mộ thì gia đình ông Ch1 gây khó khăn và ngăn cản, đã xảy ra mâu thuẫn gay gắt và có những lời lẽ đe dọa, xúc phạm các thành viên con cháu dòng tộc.

Do đó, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch UBND huyện Ba Tr và Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Bến Tr; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu mộ thuộc thửa 306, tờ bản đồ số 7, diện tích 1.124m<sup>2</sup>, tọa lạc tại ấp Phú Th, xã Phú Ng (nay là xã Phước Ng), huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre, do UBND huyện Ba Tr cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch1 ngày 12/02/1997; không ai được quyền tự ý đăng ký đứng tên quyền sử dụng đất hoặc chiếm giữ bất hợp pháp.

#### **Luật sư Phạm Thị Kim T trình bày:**

Thứ nhất, quá trình giải quyết các bên đều thừa nhận khu đất mộ do ông bà chung để lại là đất nghĩa trang của họ tộc, hiện tại phần đất có 124 phần mộ liên quan đến quyền và lợi ích của hàng trăm gia đình, con cháu trong họ tộc nên mọi việc liên quan đến quản lý, sử dụng phải được sự thống nhất chung của cả họ. Ông Ch1 lén lút tự ý kê khai đăng ký quyền sử dụng đất gây ra nhiều khó khăn cho bà con trong họ là xâm phạm đến quyền và lợi ích chung của cả họ tộc. Quyền sử dụng khu đất này thuộc loại đất chuyên dùng được quy định dùng vào mục đích làm đất nghĩa trang, nghĩa địa theo quy định tại Điều 62 Luật Đất đai năm 1993, nên được xác định không thuộc trường hợp được để lại thừa kế và được nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình quy định tại Điều 739, Điều 740 Bộ luật Dân sự năm 1993 do vậy việc UBND xã Phú Ng lúc đó xác

nhận cho ông Nguyễn Văn Ch1 đủ điều kiện trình UBND huyện Ba Tr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng khu đất mộ này cho ông Ch1 vào ngày 12 tháng 02 năm 1997 là trái quy định của pháp luật về thừa kế và về đất đai và các quy định này áp dụng đến ngày nay. Theo hồ sơ địa chính khu đất mộ này nằm trước ngay phần đất gia đình ông Ch1 nhưng trong hồ sơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thổ mộ này của ông Ch1 không có biên bản ký giáp ranh với các hộ liền kề trong đó có một hộ là con cháu của họ tộc là ông Nguyễn Văn Đ bởi đây là một thủ tục bắt buộc theo quy định của pháp luật đất đai nhằm công khai minh bạch kiểm tra hiện trạng đất đai của người kê khai đất tránh mọi tranh chấp về sau. Đặc biệt đây là đất nghĩa trang có giáp ranh với nhiều người nên buộc phải có sự đồng ý ký hiệp thương ranh. Thiếu sót này là một căn cứ để chứng minh UBND huyện Ba Tr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khu đất mộ cho ông Nguyễn Văn Ch1 ngày 12 tháng 02 năm 1997 là hoàn toàn không hợp pháp.

Thứ hai, nếu xét về tập quán của họ tộc đã được quy định từ lâu đời, người nào được cử quản lý trông coi khu đất mộ phải tập hợp được sự thống nhất của các thành viên trong họ tộc vì lợi ích chung, thống nhất của dòng họ thế nhưng theo những người khởi kiện và người có liên quan đều cho rằng ông Nguyễn Văn Ch1 đã tự ý đăng ký giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là để chiếm giữ về mặt pháp lý, còn xuyên suốt từ đó đến nay không thể hiện trách nhiệm của người quản lý trông coi khu đất mộ này, ông Ch1 và vợ con ông còn có lời lẽ xúc phạm, đe dọa không cho chôn cất người trọng họ tại đây. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án theo Biên bản thẩm định tại chỗ, vợ ông Ch1 và người em gái lớn tiếng ra ngăn cản gây bức xúc những người trong dòng họ. Trong khu đất mộ này có 124 mộ phần, phía chi họ ông Ch1 chỉ có 18 mộ, còn lại phía chi họ của những người khởi kiện và những người liên quan có 116 mộ phần. Do vậy, việc yêu cầu gia đình ông Ch1 trả lại quyền quản lý khu mộ cho họ tộc là phù hợp, đối với các nhân chứng của ông Ch1 cung cấp nhưng những người này thuộc thế hệ hậu sinh chỉ là thiếu số nên việc đánh giá chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm là không khách quan. Trong khi chi họ của những người khởi kiện là những người gần gũi, được họ tộc tín nhiệm đại diện quản lý, trông coi khu đất mộ qua nhiều năm, hiện nay họ vẫn là những người được cử ra giữ chìa khóa, sắp xếp, tôn tạo khu mộ hàng năm.

Thứ ba, việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr ban hành Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 về việc giải quyết không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Đ và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 giải quyết không công nhận nội dung đơn khiếu nại của ông Đ; giữ nguyên Quyết định số 426/QĐ-UBND, ngày 26/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr là không đúng theo thẩm quyền.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr và Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre; Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 550709-000048, ngày 12 tháng 02 năm 1997 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch1.

**Ông Nguyễn Tấn Đ1 trình bày:** Đây là khu mộ của họ tộc. Ông Ch1 đã được UBND huyện Ba Tr cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc phía ông Đ cho rằng phía bên gia đình ông Ch1 có ngăn cản khi chôn cất các thành viên trong họ tộc là có, nhưng khi vào chôn là phải hỏi ý kiến của người quản lý. Sau đó gia đình ông Ch1 vẫn cho vào chôn cất. Ông Đ1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

**Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:**

- Về chấp hành pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

- Về nội dung:

Phần đất hiện đang tranh chấp diện tích thuộc thửa 306 đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Nguyễn Văn Ch1 năm 1997, từ thời điểm đó đến nay đất vẫn sử dụng vào mục đích thổ mộ, qua thẩm định trên đất còn hơn 120 ngôi mộ của gia đình ông Ch1 và ông Đ. Về yêu cầu của phía ông Đ cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận năm 1997 không đúng, việc cử người quản lý chưa được họ tộc đồng ý nên yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, việc cấp giấy này diễn ra từ năm 1997 thời gian đó phía ông Đ cũng như những người trong họ tộc cũng đã từng có tranh chấp với nhau, do hiện nay UBND tỉnh Bến Tre cũng như UBND huyện Ba Tr giải quyết lại phần khiếu nại của ông Đ đối với việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này, việc cấp giấy này theo hồ sơ thấy cấp đúng theo pháp luật, mục đích sử dụng cũng không có chuyển đổi, ở đây chỉ là tranh chấp giữa những người trong họ tộc, do là mâu thuẫn với nhau, cũng không làm ảnh hưởng đến việc cấp giấy chứng nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính năm 2015: Không chấp nhận kháng cáo của những người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến trình bày và kết quả tranh tụng của đương sự, của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo, nghĩa vụ án phí đương sự thực hiện đúng theo quy định pháp luật.



[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm có một số đương sự vắng mặt, nhưng các đương sự này đã ủy quyền cho người khác tham gia phiên tòa hoặc có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[1.3] Tòa án cấp sơ thẩm xác định người khởi kiện khởi kiện các quyết định hành chính vẫn còn trong thời hiệu khởi kiện là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Các đương sự thừa nhận:

[2.1.1] Về quan hệ họ tộc và hàng thừa kế:

Cụ Nguyễn Văn H có con là cụ Nguyễn Văn Th. Cụ Nguyễn Văn Th có hai người con là Nguyễn Văn D và cụ Nguyễn Văn C1.

**Chi của cụ Nguyễn Văn D:**

Cụ Nguyễn Văn D có 05 người con:

1. Cụ Nguyễn Văn Tr1 có con là cụ Nguyễn Văn T (chết). Con cụ T là ông Nguyễn Văn C2 (chết năm 1941). Con cụ C2 là ông Nguyễn Văn O.

2. Cụ Nguyễn Văn H2 có con là cụ Nguyễn Văn C3 (chết năm 1965). Cụ C3 có 02 người con là cụ Nguyễn Văn B (chết năm 1980) và cụ Nguyễn Văn Ch2 (chết năm 2010). Cụ Nguyễn Văn B có con là ông Nguyễn Văn A và ông Nguyễn Văn L. Cụ Nguyễn Văn Ch2 có con là ông Nguyễn Văn C.

3. Cụ Nguyễn Văn Th5 có con là cụ Nguyễn Văn K (chết năm 1973). Cụ K có con là cụ Nguyễn Văn L1 (chết năm 2009). Cụ L1 có con là ông Nguyễn Văn H1.

4. Cụ Nguyễn Văn T1 có con là cụ Nguyễn Văn Đ2. Cụ Đ2 có con là ông Nguyễn Văn Đ.

5. Cụ Nguyễn Thị H1 có con là cụ Võ Văn A. Cụ A có con là ông Võ Văn D (chết từ nhỏ).

**Chi của cụ Nguyễn Văn C1:**

Cụ Nguyễn Văn C1 có 02 người con:

1. Cụ Nguyễn Văn Đ3 chỉ có 01 người con trai là cụ Nguyễn Văn M. Cụ M không có con trai, có 04 người con gái trong đó có cụ Nguyễn Thị Th4. Cụ thể là mẹ ruột của ông Nguyễn Văn Ch1.

2. Cụ Nguyễn Văn S có con là cụ Nguyễn Văn Ph. Cụ Ph có con là ông Nguyễn Hữu B.

[2.1.2] Về tài sản tranh chấp:

Khu đất nghĩa địa, diện tích 1.124m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 306, tờ bản đồ số 7, tọa lạc xã Phú Ng (nay là Phước Ng), huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre có nguồn gốc của cụ tổ tên là Nguyễn Văn H tạo dựng từ năm 1775. Khu đất này là khu đất nghĩa địa của họ tộc.

[2.2] Ông Nguyễn Văn Ch1 cho rằng, trước đây khu nghĩa địa này do chi của cụ Nguyễn Văn Đ3 quản lý. Cụ Đ3 để lại cho cụ Nguyễn Văn M, do cụ M không có con trai nên giao lại cho bà Nguyễn Thị Th4 quản lý. Sau khi bà Th4 chết, khu đất trên giao lại cho ông Ch1 quản lý. Năm 1995, ông Ch1 đăng ký quyền sử dụng 06 thửa đất, diện tích 13.192m<sup>2</sup>, trong đó có thửa 306 nêu trên,

ngày 12 tháng 02 năm 1997, Ủy ban nhân dân huyện Ba Tráp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 634210 cho hộ ông Nguyễn Văn Ch1.

[2.3] Ông Nguyễn Văn Đ cho rằng thửa 306, tờ bản đồ số 07 có nguồn gốc của cụ H để lại chung cho họ tộc làm khu nghĩa địa và giao cho ông Nguyễn Văn Đ2 quản lý, sau đó giao lại cho ông Đ. Nhưng ông Ch1 lại tự ý đi làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng với ý chí của hầu hết những người trong họ tộc.

[2.4] Hội đồng xét xử xét thấy, khu đất này không có tranh chấp với người khác ngoài họ tộc, hiện nay không bị quy hoạch, không thuộc diện bị thu hồi, việc này đã được các cơ quan quản lý đất đai địa phương xác nhận thông qua lời trình bày của người bị kiện. Như vậy, có căn cứ xác định xác định khu đất nghĩa địa nêu trên thuộc quyền sử dụng chung của các con, cháu của cụ H.

[2.5] Theo quy định của pháp luật đối với quyền sử dụng đất chung của nhiều người thì các thành viên này có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt đối với quyền sử dụng đất đó. Tuy nhiên, nhiều trường hợp các con cháu trong họ tộc của cụ H qua đời, khi thân nhân của họ đưa tới an táng thì ông Ch1 và những người trong gia đình ông Ch1 thường xuyên gây khó khăn hoặc không đồng ý cho an táng tại khu đất chung nêu trên. Việc này tại Tòa án cấp sơ thẩm, ông Ch1 khi đó còn sống cũng thừa nhận, tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của vợ và con ông Ch1 cũng xác định trước đây gia đình ông Ch1 có ngăn cản một số trường hợp khi đưa vào chôn trong khu đất của dòng họ do thân nhân của họ không hỏi ý kiến ông Ch1. Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, khi các cơ quan có thẩm quyền tiến hành đo đạc khu đất tranh chấp thì gia đình ông Ch1 kiên quyết ngăn cản và không ký tên vào biên bản.

Như vậy, việc ông Ch1 tự ý đi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho riêng hộ gia đình ông Ch1 nhưng không được toàn thể các thành viên dòng họ đồng ý và việc gia đình ông Ch1 thường xuyên gây khó khăn, hạn chế quyền được sử dụng chung khu đất này của các thành viên trong dòng họ là trái với ý chí của họ.

[2.6] Do đó, việc Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 634210 cho hộ ông Nguyễn Văn Ch1 ngày 12/02/1997 đối với phần đất diện tích 1.124m<sup>2</sup>, thuộc thửa số 306, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp 1, xã Phú Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre và việc giải quyết khiếu nại theo Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr; Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tr là không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của các thành viên trong dòng tộc của cụ H. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bác yêu cầu của những người khởi kiện là không đúng quy định của pháp luật.

[2.7] Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử hỏi ông Đ2 có yêu cầu về tiền lệ phí, thuế khi tiến hành thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tiền đóng thuế hàng năm đối với khu đất này không. Ông Nguyễn Tấn Đ1 xác định quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Ch1 là đúng, gia đình ông Ch1 không

đồng ý hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này nên không có yêu cầu, nếu có tranh chấp thì gia đình ông Ch1 sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ kiện khác.

[2.8] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Văn O. Sửa bản án sơ thẩm. Hủy các quyết định hành chính gồm: Một phần nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng quyền sử dụng đất số K 634210 do Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Ch1 ngày 12/02/1997 đối với 1.124m<sup>2</sup>, đất thuộc thửa số 306, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phú Ng (nay là Phước Ng), huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre; Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ, ngụ ấp Phú Th, xã Phú Ng, huyện Ba Tr; Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tr về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Văn Đ, cư ngụ ấp Phú Th, xã Phú Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

[3] Về án phí:

[3.1] Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Văn O được miễn tiền án phí. Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tr, Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng.

[3.2] Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Văn O được miễn tiền án phí. Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Văn O; sửa bản án sơ thẩm.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Văn O về việc yêu cầu hủy các quyết định hành chính sau:

+ Một phần nội dung Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 634210 do Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn Chl ngày 12/02/1997 đối với 1.124m<sup>2</sup> đất thuộc thửa số 306, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại xã Phú Ng (nay là Phước Ng), huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre;

+ Quyết định số 426/QĐ-UBND ngày 26/02/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Văn Đ, ngụ ấp Phú Th, xã Phú Ng, huyện Ba Tr;

+ Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 01/8/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tr về việc giải quyết khiếu nại (lần hai) của ông Nguyễn Văn Đ, cư ngụ ấp Phú Th, xã Phú Ng, huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr, tỉnh Bến Tre phải thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật cho phù hợp với quyết định của bản án.

### 3. Về án phí:

#### 3.1. Án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Văn O được miễn tiền án phí. Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005005 ngày 18/5/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tr, Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr và Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Ba Tr mỗi đương sự phải chịu 300.000 đồng.

#### 3.2. Án phí hành chính phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Đ, ông Nguyễn Văn A, ông Nguyễn Văn L, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Hữu B và ông Nguyễn Văn O được miễn tiền án phí. Ông Nguyễn Thanh H không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh H 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003879 ngày 13/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre.

### 4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

#### **Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Bến Tre; (1)
- VKSND tỉnh Bến Tre; (1)
- Cục THADS tỉnh Bến Tre; (1)
- Người khởi kiện; (7)
- Người bị kiện; (3)
- NLQ; (16)
- Lưu VP (6), HS (2) (BA - NTTAM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Ngọc Huynh**

